TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST Ngày: 10 - 5 - 2023 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Bà Trần Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, Thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm số: 03/TB-TA ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị C, sinh năm 1990; HKTT: ấp H, xã MA, huyện C, tỉnh K.

- *Bị đơn*: Anh Phan Thanh P, sinh năm 1985; địa chỉ: số 547A, ấp KA, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Võ Thị C trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 2011, chị C và anh P sống chung với nhau như vợ chồng, đến năm 2013 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 04/7/2013. Quá trình sống chung, vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh P không lo tu chí làm ăn để lo cho gia đình. Ngược lại, anh P thường

xuyên uống rượu về nhà lại chửi bới, đánh đập vợ. Đến tháng 10 năm 2018, chị C và anh P sống xa nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Đến nay tình cảm của vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh P.

2. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Phan Thị Thanh T, sinh ngày 13/7/2012 và Phan Thành C1, sinh ngày 04/01/2016 hiện nay đang do anh P nuôi dưỡng. Nay ly hôn do chị C không có nhà ở ổn định mà phải thuê phòng trọ để ở tạm, thu nhập chủ yếu từ bán vé số nên không đủ điều kiện để nuôi con. Hơn nữa các con cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh P. Do đó, chị C đồng ý giao 02 con cho anh P được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con thì chị C không cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng có nợ bà Phan Thị H số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), nợ bà A bán bếp gas tại chợ Mương Điều số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Nợ tiền hụi bà Nguyễn Thị T (bà S) số tiền là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Số nợ này trong quá trình hòa giải chị C và anh P thống nhất mỗi người có trách nhiệm trả một nữa, Tòa án yêu cầu chị C phải cung cấp họ tên, năm sinh địa chỉ rõ ràng để Tòa án đưa những người vợ chồng nợ vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, do số nợ ít các chủ nợ bận công việc làm ăn họ không đồng ý tham gia phiên tòa nên chị C không cung cấp cho Tòa án được. Nay chị C yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận với các chủ nợ để trả, trường hợp sau này chị C và anh P không trả nợ được và các chủ nợ trên có khởi kiện tại Tòa án thì chị C thống nhất số nợ trên là nợ chung của vợ chồng và sẽ có trách nhiệm cùng liên đới với anh P trả nợ. Trong vụ kiện này thì chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ nêu trên. Ngoài các khoản nợ nêu trên thì chị C không còn nợ ai và cũng không có cho ai nợ vợ chồng.

- Bị đơn anh Phan Thanh P trình bày tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại biên bản hòa giải ngày 14/11/2022 như sau:

1. Về hôn nhân: Anh P và chị C đăng ký kết hôn vào năm 2013, và được UBND xã T, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/7/2013. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do lúc trước anh P không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về lại chửi và đánh vợ nên từ năm 2018 chị C đã bỏ nhà ra sống ở bên ngoài. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh P không đồng ý, vì anh P vẫn còn thương vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để con có mẹ, có cha.

2. Về con chung: Quá trình chung sống anh P và chị C có 02 con chung tên là Phan Thị Thanh T, sinh ngày 13/7/2012 và Phan Thành C1, sinh ngày 04/01/2016. Cả hai con hiện nay đang sống với anh P. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo như yêu cầu của chị C thì anh P yêu cầu được nuôi dưỡng

cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu chị C muốn nuôi dưỡng con chung tên C1 thì anh P đồng ý giao cho chị C được nuôi dưỡng. Anh P sẽ nuôi dưỡng con chung tên T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh P thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng có nợ bà Phan Thị H) số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), nợ bà A bán bếp gas tại chợ Mương Điều số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Nợ tiền hụi bà Nguyễn Thị T (bà S) số tiền là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Nay nếu giải quyết ly hôn thì anh P yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả một nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thanh P và có yêu cầu nuôi con nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Phan Thanh P có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phan Thanh P đến phiên toà lần thứ hai nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phan Thanh P.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị Võ Thị C và anh Phan Thanh P tổ chức đăng ký kết hôn vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp được Uỷ ban nhân dân Xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 vào ngày 04/7/2013 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh P là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị C cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên chị C làm đơn xin ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị C và anh P phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng lại thường hay cự cãi nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh P cũng xác định bản thân anh P không lo tu chí làm ăn và cũng có uống rượu về nóng nảy nên có đánh chửi vợ nên chị C đã bỏ ra ngoài sống từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Anh P cho rằng còn thương vợ nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ để con không bị thiếu cha hay mẹ nhưng từ khi vợ chồng sống xa nhau đến nay anh P không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Tòa án đã triệu tập anh P đến Tòa án để tiếp tục hòa giải tình cảm vợ chồng cũng như đến tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh P không mong muốn Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân

này. Tại phiên Tòa ngày hôm nay chị C nhất quyết yêu cầu được ly hôn với anh P không đồng ý đoàn tụ. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị C và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị C đối với anh Phan Thanh P.

[2.2] Về con chung: Chị Võ Thị C và anh Phan Thanh P đều thừa nhận anh chị có 02 con chung tên là Phan Thị Thanh T, sinh ngày 13/7/2012 và Phan Thành C1, sinh ngày 04/01/2016 và con chung hiện nay anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C cho rằng hiện nay chị C đang làm nghề bán vé số thu nhập không ổn định và đang thuê phòng trọ để ở nên không đủ điều kiện để nuôi con nên chị C đồng ý giao con cho anh P được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Việc giao cho cho cha hay mẹ nuôi sau khi ly hôn là phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con.

Xét thấy, từ khi chị C bỏ nhà đi từ năm 2018 giao lại hai con cho anh P nuôi dưỡng và anh P vẫn nuôi con tốt, tạo điều kiện cho các con được học hành. Qua lấy ý kiến của 02 cháu thì hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh P. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, tránh làm xáo trộn môi trường sống cũng như ảnh hưởng đến tâm lý phát triển bình thường của trẻ sau này nghĩ nên giao 02 cháu tên là Phan Thị Thanh T, sinh ngày 13/7/2012 và Phan Thành C1, sinh ngày 04/01/2016 cho anh P được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng mới là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C cho rằng do không có thu nhập ổn định nên không cấp dưỡng nuôi con. Còn anh P không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị C và anh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị C và anh P đều thừa nhận vợ chồng có nợ bà Phan Thị H số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), nợ bà A bán bếp gas tại chợ Mương Điều số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Nợ tiền hụi bà Nguyễn Thị T (bà S) số tiền là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Nay ly hôn anh P và chị C thống nhất mỗi người có trách nhiệm trả một nữa. Tuy nhiên, chị C và anh P không cung cấp được họ tên, năm sinh địa chỉ của những người mà vợ chồng đang nợ. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị C và anh P phải cung cấp cho Tòa án họ tên, năm sinh địa chỉ cụ thể của những người mà vợ chồng đang nợ nhưng chị C và anh P cũng không cung cấp cho Tòa án. Do đó, Tòa án không có căn cứ để đưa những người mà vợ chồng chị C và anh P nợ vào tham gia tố tụng với tư cách là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để giải quyết. Tại phiên tòa chị C khẳng định không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung của vợ chồng mà để chị C và anh P tự thỏa thuận trả nợ với các chủ nợ. Do đó,

Tòa án không xem xét giải quyết về số nợ chung của vợ chồng chị C và anh P trong vụ kiện này. Nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án kiện dân sự khác theo thủ tục chung.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị C phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Phan Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, Điều 6, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị C được ly hôn với anh Phan Thanh P.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phan Thị Thanh T, sinh ngày 13/7/2012 và Phan Thành C1, sinh ngày 04/01/2016 cho anh Phan Thanh P được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị C đã nộp theo biên lai số 0013796 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị C được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Thanh P được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Đ; (CNKH 86 ngày 04/7/2013)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Nội